

TRẮC NGHIỆM ĐỊA LÍ 10 BÀI 3: SỬ DỤNG BẢN ĐỒ TRONG HỌC TẬP VÀ ĐỜI SỐNG

Câu 1. Cho biết ý nào dưới đây là không đúng ?

- A. Bản đồ có tỉ lệ càng nhỏ thì phạm vi lãnh thổ thể hiện được càng lớn.
- B. Bản đồ có tỉ lệ càng lớn mức độ chi tiết càng cao.
- C. Bản đồ Quốc gia thường có tỉ lệ lớn hơn bản đồ thế giới.
- D. Bản đồ có tỉ lệ càng nhỏ càng dễ xác định đặc điểm của các đối tượng.

Câu 2. Để giải thích sự phân bố mưa của một khu vực, cần sử dụng bản đồ khí hậu và bản đồ

- A. sông ngòi.
- B. địa hình,
- C. thổ nhưỡng.
- D. sinh vật

Câu 3. Để tìm hiểu về chế độ nước ta của một con sông, cần phải sử dụng bản đồ nào ?

- A. Bản đồ khí hậu.
- B. Bản đồ địa hình.
- C. Bản đồ địa chất.
- D. Bản đồ nông nghiệp.

Câu 4. Loại bản đồ nào dưới đây thường xuyên được sử dụng trong quân sự ?

- A. Bản đồ dân cư.
- B. Bản đồ khí hậu.
- C. Bản đồ địa hình.
- D. Bản đồ nông nghiệp.

Câu 5. Trong học tập, bản đồ là một phương tiện để học sinh:

- A. Học thay sách giáo khoa.
- B. Học tập, rèn luyện các kỹ năng địa lí.
- C. Thư giãn sau khi học xong bài.
- D. Xác định vị trí các bộ phận lãnh thổ học trong bài.

Câu 6. Trên bản đồ tỉ lệ 1 : 3 000 000, khoảng cách giữa hai thành phố đo được là 3 cm điều đó có nghĩa là trên thực tế khoảng cách giữa hai thành phố đó là

- A. 9 km.
- B. 90 km.
- C. 900 km.

D. 9000 km.

Câu 7. Để xác định chính xác phương hướng trên bản đồ cần dựa vào

- A. Các cạnh của bản đồ.
- B. Bảng chú giải trên bản đồ.
- C. Hệ thống kinh vĩ tuyến trên bản đồ
- D. Các đối tượng địa lí thể hiện trên bản đồ.

Câu 8. Để giải thích tình hình phân bố mưa của một khu vực cần kết hợp sử dụng những bản đồ nào

- A. Bản đồ khí hậu và bản đồ địa hình.
- B. Bản đồ địa hình và bản đồ địa chất.
- C. Bản đồ thủy văn và bản đồ địa hình.
- D. Bản đồ địa chất và bản đồ thổ nhưỡng.

Câu 9. Trong học tập, rèn luyện các kĩ năng địa lí thì bản đồ là

- A. cuốn sách giáo khoa.
- B. phương tiện.
- C. cầm nang tri thức.
- D. Bách khoa toàn thư.

Câu 10. Người ta thường dựa vào mạng lưới kinh vĩ tuyến thể hiện trên bản đồ để

- A. xác định phương hướng trên bản đồ.
- B. xem hình dáng lãnh thổ thể hiện trên bản đồ.
- C. xây dựng vị trí địa lí của lãnh thổ trên bản đồ.
- D. đọc bảng chú giải trên bản đồ.

Câu 11. Chúng ta thường dựa vào mũi tên chỉ hướng Bắc để xác định hướng Bắc, từ đó xác định hướng còn lại trong trường hợp nào dưới đây?

- A. Bản đồ không có bảng chú giải.
- B. Bản đồ không vẽ mạng lưới kinh, vĩ tuyến.
- C. Bản đồ không có tỉ lệ bản đồ.
- D. Bản đồ không có các đối tượng địa lí trên bản đồ.

Câu 12. Trước khi sử dụng bản đồ phải nghiên cứu rất kĩ phần

- A. tỉ lệ bản đồ.
- B. kí hiệu bản đồ.
- C. bảng chú giải và kí hiệu.
- D. bảng chú giải.

Câu 13. Cách xác định chính xác phương hướng đối với bản đồ không vẽ mạng lưới kinh, vĩ tuyến?

- A. Trước hết cần đọc kĩ bảng chú giải.
- B. Dựa vào mũi tên chỉ hướng Bắc để xác định hướng Bắc, từ đó xác định hướng còn lại.
- C. Dựa vào tỉ lệ bản đồ.
- D. Đọc các đối tượng địa lí trên bản đồ kết hợp tỉ lệ bản đồ.

Câu 14. Cách đọc bản đồ đúng là

- A. Chỉ đọc bảng chú giải và tỉ lệ bản đồ.
- B. Chỉ đọc từng dấu hiệu riêng lẻ của bản đồ
- C. Đọc từng dấu hiệu riêng lẻ kết hợp tìm ra mối quan hệ giữa các dấu hiệu.
- D. Đọc bảng chú giải.

Câu 15. Bản đồ địa hình thường được sử dụng trong ngành nào dưới đây?

- A. Khí tượng.
- B. Quân sự.
- C. Nông nghiệp.
- D. Du lịch.

Câu 16. Bản đồ tỉ lệ càng nhỏ thì phạm vi lãnh thổ thể hiện được

- A. mức độ chi tiết càng cao.
- B. càng nhỏ.
- C. càng dễ xác định đối tượng.
- D. càng lớn.

Câu 17. Loại bản đồ nào dưới đây thường xuyên được sử dụng trong tìm hiểu vấn đề dân số của một khu vực/quốc gia?

- A. Bản đồ dân cư.
- B. Bản đồ khí hậu.
- C. Bản đồ địa hình.
- D. Bản đồ nông nghiệp.

Câu 18. Bản đồ không thể thể hiện được đặc điểm nào dưới đây?

- A. Vị trí phân bố, quy mô của đối tượng địa lí.
- B. Hình thái, sinh trưởng và số lượng của đối tượng địa lí.
- C. Hình dạng của đối tượng địa lí.
- D. Động thái phát triển của đối tượng địa lí.

Câu 19. Nhận định nào dưới đây là chưa chính xác?

- A. Dựa vào bản đồ ta có thể xác định được vị trí địa lí của một điểm trên bề mặt Trái Đất.
- B. Bản đồ có thể thể hiện hình dạng và qui mô các bộ phận lãnh thổ trên bề mặt Trái Đất.

- C. Bản đồ không thể thể hiện động thái phát triển của một hiện tượng.
- D. Bản đồ có thể thể hiện sự phân bố của các đối tượng địa lí.

Câu 20. Trên bản đồ tỉ lệ 1 : 6 000 000, khoảng cách giữa hai thành phố đo được là 5cm điều đó có nghĩa là trên thực tế khoảng cách giữa hai thành phố đó là

- A. 30 km.
- B. 300 km.
- C. 60 km.
- D. 600 km.

Câu 21. Để tìm hiểu chế độ nước của một con sông ở vùng nhiệt đới, cần phải sử dụng bản đồ nào?

- A. Bản đồ khí hậu
- B. Bản đồ địa hình
- C. Bản đồ địa chất
- D. Bản đồ thổ nhưỡng.

Câu 22. Trên bản đồ tỉ lệ 1 : 9000 000, khoảng cách giữa hai thành phố đo được 6cm, điều đó có nghĩa là trên thực tế khoảng cách giữa hai thành phố là

- A. 540 km.
- B. 450 km.
- C. 500 km.
- D. 600 km.

Câu 23. Cần sử dụng kết hợp bản đồ khí hậu và địa hình để giải thích vấn đề nào dưới đây?

- A. Tác chiến quân sự.
- B. Phân vùng du lịch.
- C. Tình hình phân bố mưa.
- D. Sự phân công nghiệp.

Câu 24. Trên bản đồ có tỉ lệ 1: 500 triệu, từ A đến B đo được 25 cm. Vậy khoảng cách (km) A đến B trên thực tế là

- A. 121000 km.
- B. 123000 km.
- C. 125000 km.
- D. 127000 km.

Câu 25. Bản đồ là hình vẽ thu nhỏ bề mặt đất lên mặt phẳng giấy vẽ, có đặc điểm

- A. Dựa trên cơ sở toán học, trình bày bằng hệ thống kí hiệu bản đồ.
- B. Dựa trên cơ sở toán học, khái quát hoá nội dung.

- C. Khái quát hóa nội dung, trình bày bằng hệ thống kí hiệu bản đồ.
D. Dựa trên cơ sở toán hóa, hệ thống kí hiệu và trừu tượng hóa các nội dung bản đồ.

Câu 26. Bản tin dự báo thời tiết cho biết: áp thấp nhiệt đới đã hình thành ngoài khơi biển Đông, cách vĩ tuyến 170° Bắc về phía nam là 126 hải lí. Vậy, áp thấp nhiệt đới đang ở vĩ độ

- A. 11054' B.
B. 12054' B.
C. 13054' B.
D. 14054' B.

ĐÁP ÁN TRẮC NGHIỆM ĐỊA LÍ 10 BÀI 3: SỬ DỤNG BẢN ĐỒ TRONG HỌC TẬP VÀ ĐỜI SỐNG

Câu	Đáp án	Câu	Đáp án
Câu 1	D	Câu 14	C
Câu 2	B	Câu 15	B
Câu 3	A	Câu 16	D
Câu 4	C	Câu 17	A
Câu 5	B	Câu 18	B
Câu 6	B	Câu 19	C
Câu 7	C	Câu 20	B
Câu 8	A	Câu 21	A
Câu 9	B	Câu 22	A
Câu 10	A	Câu 23	C
Câu 11	B	Câu 24	C
Câu 12	C	Câu 25	C
Câu 13	B	Câu 26	D